

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U.
TỈNH C.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quốc Sự;

Ông Trần Huy Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bao Thị N, sinh năm: 1998 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn L, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 20, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bao Thị N trình bày: Năm 2015 được sự đồng ý của hai gia đình nên bà và ông L tự nguyện chung sống với nhau, đến tháng 8/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ., huyện A., tỉnh K.. Vợ chồng chung sống đã có 01 con chung nhưng thời gian chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt, chồng không chăm lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, nhiều lần uống rượu về đáng chửi, hành hạ, xúc phạm bà. Mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Văn L. Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Mỹ X, sinh ngày 30/7/2015, hiện do bà nuôi. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục

nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại đơn trình bày ý kiến ngày 27/7/2023 Trịnh Mỹ X trình bày: cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng sống với mẹ.

- Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không văn bản có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Bao Thị N và ông Trịnh Văn L được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà N có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L và bà N.

[2] Về nội dung: Xét thấy, bà Bao Thị N và ông Trịnh Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Bao Thị N và ông Trịnh Văn L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Bao Thị N và ông Trịnh Văn L xảy ra mâu thuẫn, đối với yêu cầu ly hôn của bà N, ông L không có ý kiến phản đối. Bà N xác định vợ chồng đã không tình cảm, đã không còn chung sống với nhau và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông L, điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N với ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn ông L là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: tên Trịnh Mỹ X, sinh ngày 30/7/2015, có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, bà N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông L không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con. Xét thấy con chung do bà N nuôi dưỡng và có yêu cầu được nuôi con, do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về nuôi con chung, giao con chung tên Trịnh Mỹ X, sinh ngày 30/7/2015 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L có quyền nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét

- Về tài sản chung, nợ chung: bà N xác định không có và không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Bao Thị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật

Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bao Thị N được ly hôn với ông Trịnh Văn L.

- Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Mỹ X, sinh ngày 30/7/2015 cho bà Bao Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà N xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Bao Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Bao Thị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0011336 ngày 27/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C được chuyển thu án phí.

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng